

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
HỆ ĐÀO TẠO LIÊN KẾT QUỐC TẾ**

Ngành: Kinh tế - Tài chính

Trường cấp bằng: ĐH Southern New Hampshire (Hoa Kỳ)

| STT | Mã SV | | Ngày sinh | Nơi sinh | Xếp loại | Số vào Sổ | Năm cấp bằng |
|-----|----------|----------------------|------------|---------------|----------|--------------|--------------|
| 1 | 13046064 | Nguyễn Phương Lương | 17.12.1995 | Nam Định | - | S025/LKQT-17 | 2018 |
| 2 | 13046031 | Hoàng Thúy Quỳnh | 21.04.1995 | Hà Nội | - | S026/LKQT-17 | 2018 |
| 3 | 14046090 | Chu Minh Anh | 11.06.1996 | Hà Nội | Ưu tú | S001/LKQT-18 | 2018 |
| 4 | 14046066 | Lê Vũ Thị Phương Anh | 15.05.1996 | Đà Lạt | Giỏi | S002/LKQT-18 | 2018 |
| 5 | 14046063 | Mạc Thị Hoài Anh | 22.11.1995 | Hải Phòng | Xuất sắc | S003/LKQT-18 | 2018 |
| 6 | 14046069 | Nguyễn Hồng Anh | 23.09.1995 | Hà Nội | - | S004/LKQT-18 | 2018 |
| 7 | 14046073 | Phạm Thị Lan Anh | 23.05.1995 | Hải Phòng | - | S005/LKQT-18 | 2018 |
| 8 | 14046072 | Thân Thị Vân Anh | 26.11.1996 | Bắc Giang | - | S006/LKQT-18 | 2018 |
| 9 | 14046015 | Trương Việt Anh | 10.09.1996 | Hà Nội | Ưu tú | S007/LKQT-18 | 2018 |
| 10 | 14046056 | Dương Ngọc Diệp | 14.05.1996 | Hà Nội | Giỏi | S008/LKQT-18 | 2018 |
| 11 | 14046059 | Đông Thị Thùy Dương | 10.10.1996 | Bắc Giang | Xuất sắc | S009/LKQT-18 | 2018 |
| 12 | 14046076 | Phạm Thu Hà | 16.02.1996 | Hà Nội | Xuất sắc | S010/LKQT-18 | 2018 |
| 13 | 14046022 | Nguyễn Trọng Hải | 25.05.1996 | Liên bang Nga | - | S011/LKQT-18 | 2018 |
| 14 | 14046053 | Phạm Minh Hằng | 08.10.1996 | Hà Nội | Ưu tú | S012/LKQT-18 | 2018 |
| 15 | 14046038 | Vũ Thị Hương | 28.02.1995 | Hà Nội | Giỏi | S013/LKQT-18 | 2018 |
| 16 | 14046020 | Nguyễn Thị Tuyết Lê | 30.11.1996 | Hà Nội | - | S014/LKQT-18 | 2018 |

Ngành: Kinh tế - Tài chính
Trường cấp bằng: ĐH Southern New Hampshire (Hoa Kỳ)

| STT | Mã SV | | Ngày sinh | Nơi sinh | Xếp loại | Số vào Sổ | Năm cấp bằng |
|-----|-----------|----------------------|------------|----------------|----------|--------------|--------------|
| 17 | 14046001 | Lê Thị Mỹ Linh | 19.11.1996 | Nghệ An | - | S015/LKQT-18 | 2018 |
| 18 | 14046105 | Lưu Kim Tiểu Linh | 03.11.1996 | Vĩnh Phúc | Giỏi | S016/LKQT-18 | 2018 |
| 19 | 14046114 | Nguyễn Đình Ngọc Mai | 14.10.1994 | Hà Nội | Ưu tú | S017/LKQT-18 | 2018 |
| 20 | 14046054 | Trần Thị Ban Mai | 15.03.1995 | Hà Nội | Ưu tú | S018/LKQT-18 | 2018 |
| 21 | 14046088 | Trần Khôi Nguyên | 11.12.1996 | Vũng Tàu | Giỏi | S019/LKQT-18 | 2018 |
| 22 | 14046033 | Phạm Thanh Thanh | 19.02.1996 | Phú Thọ | - | S020/LKQT-18 | 2018 |
| 23 | 14046079 | Trần Thị Hà Thanh | 09.06.1995 | Hà Nội | Giỏi | S021/LKQT-18 | 2018 |
| 24 | 14046118 | Phạm Duy Thảo | 08.12.1995 | Hải Phòng | Giỏi | S022/LKQT-18 | 2018 |
| 25 | 14046065 | Hồ Khánh Thiện | 21.08.1996 | Hà Nội | - | S023/LKQT-18 | 2018 |
| 26 | 14046058 | Lê Thị Trang | 11.03.1996 | Hải Phòng | Xuất sắc | S024/LKQT-18 | 2018 |
| 27 | 14046120 | Nguyễn Hải Việt | 03.11.1995 | Cộng hòa Czech | - | S025/LKQT-18 | 2018 |
| 28 | 14046011 | Phan Thị Hải Yến | 18.09.1995 | Nghệ An | Giỏi | S026/LKQT-18 | 2018 |
| 29 | 100410505 | Nguyễn Đức Anh | 12.10.1992 | Hà Nội | - | S027/LKQT-18 | 2018 |
| 30 | 13046040 | Trần Thị Phương Lan | 27.03.1994 | Hà Nội | - | S028/LKQT-18 | 2018 |
| 31 | 13046061 | Bùi Như Quỳnh | 26.10.1995 | Hà Nội | - | S029/LKQT-18 | 2018 |
| 32 | 100410518 | Bàn Thúy Hằng | 14.11.1991 | Cao Bằng | - | S030/LKQT-18 | 2018 |